

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng:
Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh
nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ về quản lý xây dựng: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành bộ định mức xây dựng; số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung vốn nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020 cho tỉnh Quảng Trị để thực hiện Dự án xây dựng Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Trị: Số 11/NQ-HĐND ngày 10/3/2021; số 59/NQ-HĐND ngày 12/5/2021; số 135/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 về việc Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Giao thông

vận tải tại Tờ trình số 2821/TTr-SGTVT ngày 04/10/2021 và Thông báo kết quả thẩm định số 2820/SGTVT-QLCL ngày 04/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng: Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị.

2. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Trị.

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Quảng Trị.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu:

- Phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn khi bão lũ xảy ra và phục vụ công tác quản lý, phòng chống cháy rừng;

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông của tỉnh, tạo thành trục ngang kết nối các trục dọc: Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, Hồ Chí Minh nhánh Tây;

- Là đoạn cuối của tuyến đường nối Đường ven biển - Quốc lộ 1 - Đường Hồ Chí Minh nhánh Đông - Đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, là trục giao thông huyết mạch từ Đông sang Tây tỉnh Quảng Trị, có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của tỉnh và khu vực Bắc Miền Trung. Thúc đẩy mạnh giao lưu phát triển kinh tế, thương mại, du lịch giữa hai nước Việt Nam - Lào đồng thời phá vỡ thế độc đạo của tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đi qua các xã phía Tây Bắc tỉnh Quảng Trị;

- Cầu tràn tại lý trình Km25+300 - ĐT.571 nhằm đảm bảo giao thông đi lại, đặc biệt việc vận chuyển lương thực nhu yếu phẩm cho người dân.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và các giải pháp thiết kế chính:

a) Quy mô xây dựng:

- Chiều dài tuyến: 15.000,0m; Điểm đầu: Km0+000 giao với đường tỉnh ĐT.571; Điểm cuối: Km15+00,0 thuộc xã Vĩnh Ô tiếp giáp khu vực rừng đặc dụng của Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa;

- Cấp đường: Đường cấp V miền núi theo TCVN 4054-2005; Vận tốc thiết kế: $V_{tt}=30\text{km/h}$;

- Mặt cắt ngang:

+ Tuyến: Bề rộng nền đường 6,5m, gồm: Mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên 1,0m, lề đường đất rộng mỗi bên 0,5m; Dốc ngang mặt đường 3,0%; Dốc ngang lề đường 4,0%; Độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5, nền đào thay đổi theo phân tầng các lớp địa chất từ 1/0,25 ÷ 1/1;

+ Cầu: Khổ cầu $B=0,35\text{m}+6,8\text{m}+0,35\text{m}=7,5\text{m}$.

- Độ dốc dọc lớn nhất theo cấp đường: $i_{\max}=10\%$ (đoạn khó khăn chầm chước

15% để hạn chế đào sâu);

- Mật đường cấp cao A2, $E_{yc} \geq 110 \text{Mpa}$;

- Tải trọng thiết kế: Nền, mặt đường trục xe 100kN; Cống: H30-XB80; Cầu: HL93;

- Tần suất thiết kế: Tuyến P=10%; Cầu lớn và trung P=1%; Cầu nhỏ P=4%;

b) Giải pháp thiết kế:

b.1. Bình đồ:

- Bán kính đường cong nằm theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, bán kính đường cong nằm tối thiểu $R=60\text{m}$, có một số đoạn khó khăn chêm chược $R=30\text{m}$ để hạn chế đào sâu, đắp cao;

- Các vị trí khống chế: Điểm đầu, điểm cuối, các vị trí vượt sông, các Bản, các vị trí đào sâu, đắp cao, rừng giàu, rừng tự nhiên,...

b.2. Cắt dọc:

- Trên cơ sở khống chế cao độ điểm đầu, điểm cuối, các vị trí đường giao, công trình trên tuyến, ... để thiết kế;

- Kết hợp hài hòa giữa đường cong nằm, đường cong đứng, phù hợp với các công trình lân cận, giảm thiểu khối lượng đào đắp;

- Độ dốc dọc lớn nhất: $i_{\max} = 15,0\%$.

b.3. Nền đường:

- Đối với nền đắp: Xử lý nền đất tự nhiên trước khi đắp theo quy định; Đắp đất cấp 3 đầm chặt $K \geq 0,95$;

- Đối với nền đào khi mái dốc qua các tầng, lớp địa chất khác nhau thì thiết kế độ dốc khác nhau (độ dốc mái đào từ 1:0,25 ÷ 1:1);

- Lớp đất sát đáy áo đường dày 50cm (đối với nền đắp), dày 30cm (đối với nền đào) đầm chặt đạt $K \geq 0,98$.

b.4. Kết cấu mặt đường gồm các lớp như sau: Láng nhựa 2 lớp, TC nhựa $3,0\text{kg/m}^2$, dày 2.5cm; Lớp thấm bám bằng nhựa pha dầu tiêu chuẩn $1,0\text{kg/m}^2$; Lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại 1 $D_{\max}=25\text{mm}$, dày 15cm; Lớp móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại 1 $D_{\max}=37,5\text{mm}$, dày 18cm.

b.5. Nút giao, đường giao:

- Thiết kế vuốt nổi cùng mức; bán kính vuốt nổi đảm bảo xe ra vào đường giao an toàn, tăng khả năng thông hành;

- Kết cấu mặt đường gồm các lớp như sau: Láng nhựa 2 lớp, TC nhựa $3,0\text{kg/m}^2$, dày 2.5cm; Lớp thấm bám nhựa pha dầu tiêu chuẩn $1,0\text{kg/m}^2$; Lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại 1, $D_{\max}=25\text{mm}$, dày 15cm.

b.6. Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc: Rãnh hở hình thang kích thước 0,4x0,4x1,2(m); Các đoạn có độ dốc dọc rãnh $\geq 6\%$ gia cố rãnh bằng tấm lát đúc sẵn BTXM M200; Cục bộ một số đoạn nổi rãnh gia cố với vị trí xả có độ dốc $< 6\%$ được gia cố bằng tấm lát để hạn chế xói lở, nhằm tăng cường ổn định cho công trình; Các đoạn rãnh gia cố qua nhà dân bố trí tấm đan BTCT M200;

- Thoát nước ngang: Trên tuyến có 100 cống các loại: Cống tròn: 89 cái; cống hộp: 11 cái.

+ Cấu tạo cống:

* Cống hộp: Ống cống BTCT M300 đổ tại chỗ đối với cống có khẩu độ >2,0m và Ống cống BTCT M250 lắp ghép có khẩu độ $\leq 2,0$ m; Bản giảm tải BTCT M250, trên lớp cấp phối đá dăm $D_{max}=37,5$ mm; Đầu cống, sân cống bê tông M150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

* Cống tròn: Ống cống bê tông ly tâm M300, 02 lưới thép dùng cho loại qua đường H30; Đầu cống, sân cống bê tông M150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

+ Rãnh cơ, bậc nước, hố tiêu năng:

* Rãnh cơ: Bề rộng rãnh 2,0m, có độ dốc 15% nghiêng về phía trong rãnh, kết cấu bằng tấm lát BTXM M200 dày 6cm trên lớp đá dăm đệm dày 5cm.

* Rãnh đỉnh: Rộng đáy rãnh 0,5m, cao rãnh 0,5m, kết cấu bằng tấm lát BTXM M200 dày 6cm trên lớp đá dăm đệm dày 5cm.

* Bậc nước: Bề rộng bậc 1,2m bằng đá hộc xây vữa xi măng M100 dày 30cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

* Hố tiêu năng: Hố tiêu năng rãnh cơ: Kích thước hình chữ nhật 2,0m x 1,2m, có độ dốc hướng về phía ngoài rãnh 2% bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Hố tiêu năng rãnh biên: Kích thước hình vuông lòng hố 1,2m, chiều sâu hố 1,2m, bằng đá hộc xây VXM M100 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, chiều dày thân từ 30cm ÷ 50cm, dày đáy 40cm.

b.7. Gia cố mái taluy: Trồng cỏ bảo vệ xói lở mái taluy với nền đường đắp (taluy âm); Các vị trí hai bên mang cống, vị trí đắp cao gia cố mái bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

b.8. Tường chắn: Bố trí tường chân và tường chắn vai hạn chế đào, đắp; Kết cấu: Tường thân, đáy BTXM M150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

b.9. Cầu trên tuyến: Cầu xây dựng vĩnh cửu BTCT tần suất thiết kế: Cầu lớn và cầu trung $P=1\%$; Cầu nhỏ $P=4\%$; Khổ cầu $B=0.35m+6.8m+0.35m=7,5m$:

- Cầu vĩnh cửu BTCT DUL các vị trí: Km7+00; Km7+370; Km10+927 và cầu tại Km25+300/ĐT.571.

+ Kết cấu phần trên: Cầu xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT 40Mpa, DUL chữ "I"; Mặt cắt ngang cầu được thiết kế có 4 dầm chủ, chiều cao dầm chủ 1,45m đặt cách nhau 1,90m; Mặt cầu BTN trên lớp phòng nước dạng phun; Bản mặt cầu BTCT 30Mpa dày 20cm; Lan can bằng thép mạ kẽm; Ống thoát nước thép mạ kẽm; Gói cầu: Dùng gói cao su cốt bản thép; Khe co giãn: Sử dụng khe co giãn răng lược.

+ Kết cấu phần dưới:

* Mô dạng chữ "U" bằng BTCT 30Mpa, móng đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính $D=1.0m$ bằng BTCT 30Mpa. Mỗi móng gồm 4 cọc khoan nhồi; chiều dài cọc dự kiến từ 6,0m ÷ 17m.

* Trụ cầu: Trụ đặc thân hẹp và trụ ống nhòm (cầu Km25+300) đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D=1000mm$ bằng BTCT 30Mpa. Mỗi trụ gồm 4 cọc khoan nhồi,

trụ ống nhôm gồm 2 cọc khoan nhồi; chiều dài cọc dự kiến từ 6,0m ÷ 12,5m; Trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi D=1000mm bằng BTCT 30Mpa. Mỗi trụ gồm 2 cọc khoan nhồi; chiều dài cọc dự kiến từ 10,0m ÷ 14,0m;

- Tạo lỗ các cọc khoan nhồi bằng phương pháp khoan xoay phản tuần hoàn;

* Kết cấu khác: Chân khay, tứ nón, gia cố mái taluy đường hai đầu cầu bằng đá học xây VXM M100; Đường sau đuôi mố có bề rộng mặt 5,5m, rộng nền 7,5m trên đoạn 10m được vuốt về theo tiêu chuẩn chung của tuyến.

- Cầu liên tục nhiệt tại các vị trí: Km4+125; Km4+609; Km9+497:

+ Kết cấu phần trên: Cầu dạng bản liên tục BTCT 40Mpa đổ tại chỗ. Mỗi liên theo sơ đồ (nx7m), mỗi liên gồm các nhịp liên tục dài 7m/nhịp; Bản mặt cầu BTCT đổ tại chỗ; Mặt cầu BTN trên lớp phòng nước dạng phun; Lan can thép mạ kẽm; Ống thoát nước thép mạ kẽm; Khe co giãn loại răng lược;

+ Kết cấu phần dưới: Mỗi trụ gồm 02 cọc khoan nhồi D=1000mm BTCT 30Mpa; Chiều dài cọc dự kiến 6,0m ÷ 16,0m; Tạo lỗ các cọc khoan nhồi phương pháp khoan xoay phản tuần hoàn;

+ Kết cấu khác: Chân khay, tứ nón, gia cố mái taluy đường hai đầu cầu bằng đá học xây VXM M100; Đường sau đuôi mố có bề rộng mặt 5,5m, rộng nền 7,5m trên đoạn 10m được vuốt về theo tiêu chuẩn chung của tuyến.

b.10. Hệ thống báo hiệu đường bộ: Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT tương ứng với cấp đường, cụ thể:

- Tại các vị trí nút giao bố trí đầy đủ biển báo, vạch sơn theo quy chuẩn;

- Biển báo: Trụ đỡ ống tráng kẽm Vinapipe hoặc tương đương đường kính ngoài $\Phi 80$ mm dày 2,5mm; Sơn cột gồm 03 lớp; Đế cột bê tông M150; Biển báo hợp kim nhôm dày 2mm, mặt trước dán màng phản quang;

- Vạch sơn giảm tốc: Sơn bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng, chiều rộng vạch sơn 20cm, chiều dày 4,0mm;

- Vạch kẻ đường: Sơn vạch tim đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng, chiều rộng vạch sơn 15cm, chiều dày 2,0mm (vạch 1.1);

- Cọc tiêu kích thước (120x120x1100)mm; Cọc BTCT M200, móng cọc BTXM M150;

- Cột Km; Cột, móng cột BTXM M200 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm;

- Lan can phòng hộ: Trụ đỡ tôn lượn sóng thép $\Phi 113$ mm dày 4mm; tấm sóng kích thước 2320x310x3(mm), hai đầu của các đoạn tôn lượn sóng lắp các tấm đầu cong có kích thước 715x310x3(mm); tại mỗi trụ đỡ tôn lượn sóng có lắp mắt phản quang. Các chi tiết thép được mã kẽm nhúng nóng chiều dày lớp mạ 110 μ m (781g/m²).

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

Liên danh Công ty cổ phần H&S Việt Nam và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Toàn Phát.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

6.1. Địa điểm xây dựng: Các huyện: Gio Linh, Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

6.2. Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích chiếm dụng khoảng 41,24ha.

7. Nhóm dự án, loại, cấp công trình dự án:

7.1. Nhóm dự án: Nhóm B.

7.2. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ; Cấp III.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: 2 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

9. Tổng mức đầu tư dự án: 229.156 triệu đồng (*Hai trăm hai mươi chín tỷ, một trăm năm sáu triệu đồng*), trong đó:

- Chi phí bồi thường hỗ trợ GPMB:	15.000	triệu đồng.
- Chi phí xây dựng:	181.534	triệu đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	2.988	triệu đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	14.397	triệu đồng.
- Chi phí khác:	5.936	triệu đồng.
- Chi phí dự phòng:	9.301	triệu đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 ÷ 2024.**11. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020 là 100.000 triệu đồng; Ngân sách Trung ương hỗ trợ thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 ÷ 2025 là 129.156 triệu đồng.**12. Hình thức tổ chức quản lý dự án:** Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định pháp luật.**13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:** Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng